TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Doãn Giới
Bà Trương Thị Hà

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Binh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Htham gia phiên tòa*:**
Bà A Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1989. Xin xét xử vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Tr, xã Th, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Anh Huỳnh Viết T, sinh năm 1985. Xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ nơi thường trú: Thôn H2, xã Đ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ nơi làm việc: F25/69 ấp 6, xã L, huyện Ch, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Bùi Thị L thể hiện như sau:

Chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/01/2013. Sau khi cưới, chị L và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ

cuối năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con: Chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T có 01 con chung là cháu Huỳnh Huy A, sinh ngày 30/10/2013. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu A sống với bố. Nay ly hôn, nếu anh T có nguyện vọng tiếp tục nuôi con thì chị cũng đồng ý giao cháu A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và xin được cấp dưỡng nuôi con cùng anh T theo quy định. Nếu anh T không có nguyện vọng nuôi con, tôi xin được trực tiếp nuôi cháu A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2024 của anh Huỳnh Viết T thể hiện:

Anh T và chị Bùi Thị L tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã Th, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/01/2013. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Bùi Thị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con: Chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T có 01 con chung là cháu Huỳnh Huy A, sinh ngày 30/10/2013. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu A sống với anh T. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2024 của cháu Huỳnh Huy A thể hiện:

Bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với bố T.

Tại biên bản làm việc ngày 11/3/2024 tại UBND xã Th, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thể hiện: Lãnh đạo địa phương cho biết: Chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T được UBND xã Th, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/01/2013. Thực tế anh chị mâu thuẫn thế nào, địa phương không nắm rõ. Chị L đề nghị ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Htrình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 của BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L, xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Huỳnh Viết T. Về con: đề nghị công nhận anh chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Huy A, sinh ngày 30/10/2013. Đề nghị giao cháu A cho anh Huỳnh Viết T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Bùi Thị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Bùi Thị L không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại thời điểm khởi kiện, anh Huỳnh Viết T có đơn đề nghị thống nhất chọn Tòa án nhân dân huyện Hlà nơi giải quyết vụ án, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Htheo đúng quy định tại Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T và lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Bùi Thị L và bị đơn là anh Huỳnh Viết T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/01/2013 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị Bùi Thị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Huỳnh Viết T. Anh T thể hiện nguyện vọng tại bản tự khai là thống nhất ly hôn, tuy nhiên tại

phiên tòa vắng mặt anh chị nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị L là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Do chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T cùng thống nhất có 01 con chung là cháu Huỳnh Huy A, sinh ngày 30/10/2013 nên công nhận cháu A là con chung của chị L và anh T. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, cháu A ở với anh từ bé đến nay và cháu A cũng có nguyện vọng xin ở với bố, chị L cũng thống nhất. Vì vậy, giao cháu A cho anh Huỳnh Viết T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Bùi Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Huỳnh Viết T.

Về con: Công nhận chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T có 01 con chung là cháu Huỳnh Huy A, sinh ngày 30/10/2013. Giao cháu Huỳnh Huy A cho anh Huỳnh Viết T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Bùi Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu chị Bùi Thị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Huỳnh Viết T thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L.

Về án phí: Buộc chị Bùi Thị L chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là

300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Htheo biên lai thu số 0003755 ngày 08/3/2024 (Chị Bùi Thị L đã thi hành xong).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị L và anh Huỳnh Viết T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa;*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;*
- *UBND xã H. T, h. Hoằng Hóa;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Doãn Giới **Trương Thị Hà** **Lê Thị Ngọc Tú**